BỘ XÂY DỰNG
Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.43.7544196 - Fax: 84.43.8361197
Website: www.ibst.vn - Email: vkhcnxd@fpt.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY

CERTIFICATE OF CONFORMITY

Số/*No*: 395-6/2025VKH

Chứng nhận sản phẩm/ *This is to certify that:*

Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men/ *Glazed dry-pressed ceramic tiles*

(Danh mục sản phẩm được chứng nhận theo phụ lục đính kèm/ *List of certified products attached at index*)

Nhà máy sản xuất/ *Manufacturer:* **CERAMICHE ATLAS CONCORDE S.P.A.**

Địa điểm sản xuất/ *Manufacturing address*: Via Canaletto, 141 - 41040 Spezzano di Fiorano (MO) - Italy

Đơn vị nhập khẩu/*Importer*: **Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm Sứ Việt**
VIET CERAMICS INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ/ *Address*
778k/2 Nguyễn Kiệm, phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
778k/2 Nguyen Kiem Street, Duc Nhuan Ward, Hochiminh City, Vietnam

Phù hợp với/ *Conforms to:*
Mục III.1, bảng 1, QCVN 16:2023/BXD/ *Item III.1, table 1, QCVN 16:2023/BXD*

Phương thức chứng nhận/ *Certification method:* Phương thức 5/ *Method 5*

Hiệu lực/*Validity***:** Giấy chứng nhận có giá trị/ *This certificate is valid:*
từ ngày 20 tháng 05 năm 2026 đến ngày 19 tháng 05 năm 2029/ *from May 20th 2026 to May 19th 2029*
(Giấy chứng nhận sẽ được duy trì hiệu lực sau các đợt đánh giá giám sát của IBST 12 tháng/lần, tổng cộng là 02 lần trong 03 năm/ *This certificate will maintains valid if 12-month surveillance audits are performed by IBST twice in three years)*

IBST
QCVN 16:2023/BXD
No: 395-6/2025VKH

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2026
Hanoi, May 20th 2026

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
On behalf of Director of Institute
Vice Director

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Đinh Quốc Dân

PHỤ LỤC
INDEX

(Ban hành kèm theo giấy CNHQ số 395-6/2025VKH, ban hành ngày 20/05/2026
(Attached to Certificate No. 395-6/2025VKH, dated 20/05/2026)

TT *No.*	Sản phẩm được chứng nhận *Certified products*	Quy cách/ *Dimension* (mmxmmxmm)	Nhãn hiệu hàng hóa/*Brand* (1)	Mã HS *HS code* (1)
1.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, *Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa*	600x600x9	ATLAS CONCORDE	69072193
2.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, *Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa*	1500x750x9		69072193
3.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, *Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa*	600x300x9		69072193
4.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, *Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa*	2780x1200x6		69072193
5.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, *Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa*	1200x1200x9		69072193
6.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, *Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa*	1200x600x9		69072193
7.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIII, *Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIII*	1200x500x8,5		69072393
8.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, *Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa*	1200x200x9		69072193

Ghi chú/*Note*: (1) Theo thông tin khai báo của khách hàng/ *As declared by client.*

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo giấy CNHQ số 395-6/2025VKH, ban hành ngày 20/05/2026

(Attached to Certificate No. 395-6/2025VKH, dated 20/05/2026)

TT *No.*	**Sản phẩm được chứng nhận** *Certified products*	**Quy cách/** *Dimension* (1) (mmxmmxmm)	**Mã**/*code* (1)
1.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa *Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa*	600x600x9	Nhóm 4: A66F, A658 A66G, A66E Nhóm 5: AJBV
2.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa *Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa*	1500x750x9	Nhóm 3: AFVS Nhóm 4; A7G2 Nhóm 5: AEKR
3.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm Bia *Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa*	600x300x9	Nhóm 4: A66K, A66L A66H, AYBG
4.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa *Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa*	2780x1200x6	Nhóm 2: HCJD, HCOX, HCH1 HCJE, HCU1, HCH2 HCOZ, HCO4, HDUD Nhóm 3: AX80, AX83, AX82 Nhóm 4: A67B, AJMK, A0BG AOQB, AJMQ, AX27 Nhóm 5: A4OZ, AFXV, AFXW AFXY, AFUW, AX8L
5.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa *Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa*	1200x1200x9	Nhóm 3: AFVN Nhóm 4: AJM0, AMGL

TT *No.*	**Sản phẩm được chứng nhận** *Certified products*	**Quy cách/** *Dimension* [1] (mmxmmxmm)	**Mã/*code*** [1]
			AJMY, A65N AJMU, A20Y Nhóm 6: AX8R
6.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa *Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa*	1200x600x9	Nhóm 1: AFM2 Nhóm 4: A209, A8UZ, AJIT, HCC4 A4QX, AJNV, HCJX, A8UW A65T, AHUE, HCJY, AFUG A65U, AX58, HCJZ, A65V A65S, AX6D, HCDB, AJIV AFUF, AX6B, HCC0 Nhóm 5: A21H, AFXT, AJBQ, AJHX A4Q1, AFXQ, AJBS, A8Z6 HGKZ Nhóm 6: AU8J, AJGJ
7.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIII *Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIII*	1200x500x8,5	Nhóm 1: AYL3, AYLZ, HCKV AQ7E, HCKU
8.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa *Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa*	1200x200x9	Nhóm 4: AX3J, AL7E, AX7K, HB8K AL85, AX4H, AX7L, HB8L AL7F, AX4I, AX7M, HB8M AX3A, AX4J, AX7N, HB8N AX3C, AX4K, HB8C, HB8O AX3E, AX4L, HB8D, HCAY AX3G, AX68, HB8E, HCAZ AX3I, AX69, HB8F, HCA0 AX3B, AX7A, HB8G, HCFJ AX3D, AX7B, HB8H, HCFK AX3F, AX7C, HB8I, HCFL AX3H, AX7J, HB8J, A843

Ghi chú/*Note*: [1] Theo thông tin khai báo của khách hàng/ *As declared by client.*